

**PHỤ LỤC II:**  
**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC**  
**MỘT PHẦN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM NĂM 2020**

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2020.**

| STT                                      | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN:</b> |                  |   |  |  |                                   |
| 1.                                       | Nghị quyết       | 17/2013/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc quy định mức chi đối với công tác cải cách hành chính và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.                        | Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh.   | Đã được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Nghị quyết, nội dung trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành.                        | 23/7/2020                         |
| 2.                                       | Nghị quyết       | 28/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định chế độ chi tiêu tài chính tổ chức các giải thi đấu thể thao tỉnh Kon Tum.   | Tiết a, điểm 1.2 khoản 1 Điều 1.   | Đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Nghị quyết, nội dung trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành. | 23/7/2020                         |
| 3.                                       | Nghị quyết       | 05/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum. | Điểm 1, điểm 2 mục II; Gạch đầu dòng (-) thứ nhất mục VIII, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND. | Đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Nghị quyết, nội dung trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành.  | 23/7/2020                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| 4.  | Nghị quyết       | 07/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum. | Điểm 2.1 khoản 2 Điều 1; Điều 2.  | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum. | 23/7/2020                         |
| 5.  | Nghị quyết       | 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng tỉnh Kon Tum về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.  | tiết 2.1, 2.2, 2.3 điểm 2 khoản III Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND.  | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 74/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng tỉnh Kon Tum về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.   | 24/12/2020                        |
| 6.  | Nghị quyết       | 79/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án tổ chức, xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 – 2020.   | Nội dung quy định về số lượng Chỉ huy Phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị | Đã được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 16/07/2020 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  | 26/7/2020                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
|     |                  |  | quyết số 79/2016/NQ-HĐND   |  |                                   |
| 7.  | Nghị quyết       | 13/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  | Khoản 2 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo.   | Đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14/07/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Nghị quyết, nội dung trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành   | 23/7/2020                         |
| 8.  | Nghị quyết       | 42/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tiêu chí xác định đường, phố và công trình công cộng có quy mô lớn, ý nghĩa quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định đặt, đổi tên của Hội đồng nhân dân tỉnh   | Tiêu đề của Điều 1; khoản 1 Điều 1; Điều 2; Tên gọi của Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND. | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tiêu chí xác định đường, phố và công trình công cộng có quy mô lớn, ý nghĩa quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định đặt, đổi tên của Hội đồng nhân dân tỉnh. | 23/7/2020                         |
| 9.  | Nghị quyết       | 14/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum. | Điểm 1 mục I, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND.           | Đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14/07/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Nghị quyết, nội dung trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành.  | 23/7/2020                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| 10. | Nghị quyết       | 45/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum.  | Điều 1  | Đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 13/07/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum.  | 23/7/2020                         |
| 11. | Nghị quyết       | 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND tỉnh về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C.   | Điều 1  | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND tỉnh về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C.   | 27/4/2020                         |
| 12. | Nghị quyết       | 29/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Kon Tum. | Điều 1  | Đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 50/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 | 27/10/2020                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |  | tỉnh Kon Tum.   |                                   |
| 13. | Quyết định       | 45/2012/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Kon Tum.   | Khoản 2 Điều 2 của Quy định kèm theo Quyết định số 45/2012/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2020 Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật, nội dung trong văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành.                                   | 24/7/2020                         |
| 14. | Quyết định       | 43/2013/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc quy định mức chi đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum. | Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 43/2013/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Quyết định, nội dung trong Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành.  | 22/11/2020                        |
| 15. | Quyết định       | 51/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy chế hoạt động cán bộ, công chức làm công tác đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum                    | - Điểm a khoản 2 Điều 1; Điều 3; khoản 2 Điều 6; Điều 9;<br>- Cụm từ "Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Sở Tư pháp" tại khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm b khoản 1 Điều 7.<br>- Cụm từ "Sở Tư | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ các Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. | 22/11/2020                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |   | pháp" tại khoản 1 Điều 4; các khoản 8, 9 Điều 5; các khoản 3, 4, 5 Điều 6; khoản 1 Điều 7; các khoản 1, 2 Điều 10.  |   |                                   |
| 16. | Quyết định       | 02/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định chế độ chi tiêu tài chính tổ chức các giải thi đấu thể thao tỉnh.  | Tiết a, điểm 1.2 khoản 1 Điều 1.  | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Quyết định, nội dung trong Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.  | 22/11/2020                        |
| 17. | Quyết định       | 38/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum. | Điểm 1, điểm 2 mục II; Gạch đầu dòng (-) thứ nhất mục VIII, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND.  | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Quyết định, nội dung trong Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành.  | 22/11/2020                        |
| 18. | Quyết định       | 22/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định mức đạt chuẩn bộ tiêu chí về xã nông thôn mới đối với từng khu vực trên địa bàn tỉnh Kon Tum.   | Nội dung chi tiêu 6.2 của Tiêu chí số 6 ( <i>Cơ sở vật chất văn hóa</i> ) và Tiêu chí số 10 ( <i>Thu nhập</i> ) tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND. | Đã được sửa đổi, bổ sung tại QĐ số 04/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định mức đạt chuẩn bộ tiêu chí về xã nông thôn mới đối với từng khu vực trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. | 30/01/2020                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| 19. | Quyết định       | 36/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định về Quy trình khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Kon Tum.   | Điểm a khoản 2 Điều 10; Điều 12 của Quy định ban hành kèm theo.  | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Quy trình khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.  | 24/9/2020                         |
| 20. | Quyết định       | 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum. | Điều 5, Điều 6, khoản 2 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo QĐ số 15/2018/QĐ-UBND.  | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh. | 22/5/2020                         |
| 21. | Quyết định       | 29/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum .   | Khoản 3, khoản 4 Điều 4; Điểm a, điểm b, điểm c, khoản 7 Điều 5; Khoản 2 Điều 10; Khoản 4, khoản 5 Điều 12; Điều 16; Điểm c khoản 1 và | Đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.   | 14/05/2020                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                  |   | <p>điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 17; Khoản 1 Điều 20; Điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 21; Khoản 2 Điều 23; Điểm a khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 25; Khoản 2 Điều 26; Điểm a khoản 3 Điều 27; Điều 28; Khoản 3 Điều 39 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND - Cụm từ “Thông tư số 08/2017/TT-BNV” tại: căn cứ của Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND; Điều 6, đoạn đầu của Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 13, Điều 18, khoản 1 Điều 19, khoản 1</p> |                                    |                                   |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  | <p>Điều 23.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cụm từ “khoản 2 Điều 11 Thông tư số 08/2017/TT-BNV” tại khoản 2 Điều 9.</li> <li>- Cụm từ “được quy định tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum” tại khoản 6 Điều 41.</li> </ul> |   |                                   |
| 22. | Quyết định       | 01/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công, mức chi cho hoạt động khuyến công, xây dựng và thực hiện đề án từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh Kon Tum. | Điều 12, Điều 14 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2019.   | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý kinh phí khuyến công, mức chi cho hoạt động khuyến công, xây dựng và thực hiện đề án từ nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh Kon Tum ban hành | 21/6/2020                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |   |   | kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.  |                                   |
| 23. | Quyết định       | 20/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý hóa giống nhau năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  | Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.  | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý hóa giống nhau năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.   | 28/6/2020                         |
| 24. | Quyết định       | 25/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy chế công khai kết luận, kết quả xử lý các vụ việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng trên Cổng, Trang thông tin điện tử, trên các phương tiện thông tin truyền thông của tỉnh Kon Tum. | - Khoản 1 Điều 1; khoản 1 Điều 5; điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 6; khoản 2 và khoản 3 Điều 6; khoản 1, 2 và 3 Điều 9; điểm b khoản 4 Điều 9; điểm b khoản 2 Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND;<br>- Cụm từ “Cổng/Trang” tại tên gọi Quyết định và tại Điều 1 Quyết định | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung tên gọi của Quyết định và một số điều của Quy chế công khai kết luận, kết quả xử lý các vụ việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng trên Cổng, Trang thông tin điện tử, trên các phương tiện thông tin truyền thông của tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. | 12/10/2020                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                  |   | số 25/2019/QĐ-UBND.                             |                                    |                                   |

**Tổng số: 24 văn bản.**

**II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không.**

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2020<sup>1</sup>:**

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|---|------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không.</b>    |                  |   |   |                                    |                                   |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không.</b> |                  |   |   |                                    |                                   |

<sup>(1)</sup> Văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc đối tượng của các kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố.